

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 77/2026/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết S, sinh ngày 10/02/1982. Căn cước công dân số: 052182001767.

Nơi thường trú: Thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Trương Thanh T, sinh ngày 01/01/1973. Căn cước công dân số: 052073017273.

Nơi thường trú: Thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai.

Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, tỉnh Bình Định (Nay là UBND xã A, tỉnh Gia Lai).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết S và anh Trương Thanh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết S và anh Trương Thanh T thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con: Chị S và anh T cùng xác định có 03 con chung tên Trương Thị Trúc L, sinh ngày 03/4/2006; Trương Gia B, sinh ngày 13/8/2010 và Trương Bảo K, sinh ngày 09/12/2012. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận, chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Trương Gia B, anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Trương Bảo K đến thành niên. Đối với con Trương Thị Trúc L đã thành niên, đủ năng lực hành vi dân sự, tự lo cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.2.1. Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Tại thời điểm ly hôn, chị S và anh T thỏa thuận không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

2.3. Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết S tự nguyện thỏa thuận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0002754, ngày 30/3/2026, của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị S được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 12, ngày 12/3/2004, của Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, tỉnh Bình Định (Nay là UBND xã A, tỉnh Gia Lai) không còn giá trị pháp lý.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND khu vực 5, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 5, tỉnh Gia Lai;
- UBND xã An Lão, tỉnh Gia Lai;
- (Bộ phận thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- TAND tỉnh Gia Lai (phòng GD, KT, TT&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Huy

